

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 9059 /SLĐTBXH-GDNN
V/v góp ý mức thu học phí cụ thể đối
với các cơ sở giáo dục trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. Hồ Chí Minh;
- Thủ trưởng Sở - Ban – Ngành Thành phố;
- Liên đoàn Lao động Thành phố;
- Tổng công ty Du lịch Sài Gòn
- Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch;
- Trường Đại học Sài Gòn;
- Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Thực hiện Công văn số 3486/UBND-VX ngày 04/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội được Ủy ban nhân dân Thành phố giao chủ trì, phối hợp để xây dựng mức thu học phí cụ thể của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

Ngày 28/12/2018, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có văn bản số 35115/SLĐTBXH-GDNN đề nghị các cơ sở giáo dục công lập báo có tình hình thu học phí tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

Qua báo cáo của các cơ sở giáo dục về tình hình thu học phí trên địa bàn Thành phố, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng Dự thảo mức thu học phí các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn Thành phố (đính kèm Dự thảo).

Đề nghị Quý cơ quan là đơn vị chủ quản các trường Trung cấp, trường cao đẳng và các cơ sở giáo dục đại học góp ý về việc mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố.

Văn bản góp ý Dự thảo nêu trên, đề nghị Quý cơ quan gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 31, đường số 13, Khu phố 01, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP.HCM **chậm nhất ngày 12/4/2019** (Đồng thời gửi qua địa chỉ hộp thư điện tử: gdn.sltdtbxh@tphcm.gov.vn) để Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (đính kèm DS các CSGDNN);
- Sở Nội vụ (để lấy ý kiến);
- Sở Tài Chính (để lấy ý kiến);
- Sở Tư pháp (để lấy ý kiến);
- GD, các PGĐ Sở (để b/c);
- Lưu: VT, P.GDNN (Ng).



GIÁM ĐỐC_{ST}

Lê Minh Tấn

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC
ĐẠI HỌC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

(đính kèm Công văn số 9059 /SLĐTĐBXH- GDNN ngày 03/4/2019 của Sở LĐTBXH)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Cơ quan chủ quản
A Cơ sở giáo dục đại học		
1	Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch	Ủy ban nhân dân Thành phố
2	Trường Đại học Sài Gòn	Ủy ban nhân dân Thành phố
3	Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Thành phố
B Khối Cao đẳng		
1	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Giao thông vận tải
6	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Văn hóa thể thao
7	Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh	Sở LĐ-TBXH
8	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ	Sở Công thương
9	Trường Cao đẳng Thủ Thiêm Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Quận 2
10	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức	Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức
11	Trường cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn	Sở Giáo dục và Đào tạo
C Khối Trung cấp		
1	Trường Trung cấp nghề Nhân Đạo	Ủy ban nhân dân quận quận 3
2	Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương	Ủy ban nhân dân quận 5
	Trường Trung cấp nghề Đông Sài Gòn	Ủy ban nhân dân quận 9
3	Trường Trung cấp nghề Củ Chi	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi
4	Trường Trung cấp nghề Quang Trung	Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp
6	Trường Trung cấp nghề Bình Thạnh	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh
7	Trường Trung cấp nghề Trần Đại Nghĩa	UBND huyện Bình Chánh
8	Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Nghiệp vụ Tôn Đức Thắng	Liên đoàn Lao động Thành phố
9	Trường Trung cấp Xây dựng	Sở Xây dựng
10	Trường Trung cấp Công đoàn	Liên đoàn Lao động Thành phố
11	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	Sở Giáo dục và Đào tạo
12	Trường Trung cấp Bách nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
15	Trường Trung cấp Thông tin - Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Thông tin Truyền thông
16	Trường Trung cấp Du lịch và Khách sạn Saigontourist	Tổng công ty Du lịch Sài Gòn
Tổng cộng (A+B+C) = 30 cơ sở giáo dục		

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SLĐTBXH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quyết định quy định về mức thu học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn Thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Thành phố

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 3486/UBND-VX ngày 04/8/2018 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng mức thu học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý khi ban hành Quyết định

Căn cứ Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 thì “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về mức học phí cụ thể đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của địa phương”

Do đó, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Quyết định về thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 quy định cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020--2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Đính kèm Dự thảo)

II. Quá trình xây dựng Dự thảo

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã đề nghị Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục báo cáo tình hình mức thu học phí từ năm học 2018-2019 và dự kiến thu học phí năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021.

Qua tập hợp các báo cáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có 20/30 cơ sở giáo dục nghề nghiệp báo cáo mức thu học phí của các cơ sở giáo dục năm 2018. Trong đó, có 15 cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định thu học phí bằng mức trần học phí theo Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, 05 cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định thu học phí thấp hơn mức trần học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP.

Ý kiến góp ý của Sở Nội Vụ, Sở Tài Chính, Sở Tư pháp, các cơ quan chủ quan của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và cơ sở giáo dục đại học như sau:

(Sở LĐTBXH bổ sung ý kiến sau khi có văn bản góp ý của các cơ quan liên quan)

III. Đề xuất, kiến nghị

Căn cứ Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 thì “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về mức học phí cụ thể đối với các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của địa phương”.

Do đó, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức trần học phí của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021 như sau:

1. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	1.850	2.050
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	2.200	2.400
3. Y dược	4.600	5.050

2. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	890	980
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	1.060	1.170
3. Y dược	1.300	1.430

3. Mức trần học phí đối với đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập:

a) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	TC	CĐ	TC	CĐ
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	620	710	690	780
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	740	850	820	940
3. Y dược	910	1.040	1.000	1.140

b) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	TC	CĐ	TC	CĐ
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	1.295	1.480	1.435	1.640
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	1.540	1.760	1.680	1.920
3. Y dược	3.220	3.680	3.535	4.040

Căn cứ mức trần học phí nêu trên, cho phép Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tự xác định mức thu học phí cụ thể cho các đối tượng, nhóm ngành nghề đào tạo phù hợp từng năm với cơ sở mình và không được phép vượt mức trần học phí nêu trên.

(Sở LĐTĐXH bổ sung ý kiến đề xuất, kiến nghị sau khi có văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các Phó GD Sở;
- Văn phòng UBND TP;
- Sở Nội Vụ;
- Lưu: VT, P. GDNN (Ng).

GIÁM ĐỐC

Số: /2019/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

VỀ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 86/2015/NĐ-CP NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ THU, QUẢN LÝ HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP TỪ NĂM HỌC 2016-2017 ĐẾN NĂM HỌC 2020-2021 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị quyết số /2019/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức thu học phí từ năm học đến năm học 2020-2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số ngày tháng năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức trần học phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

1. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	1.850	2.050
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	2.200	2.400
3. Y dược	4.600	5.050

2. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư áp dụng theo các khối ngành, chuyên ngành đào tạo từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

Khối ngành, chuyên ngành đào tạo	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	890	980
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	1.060	1.170
3. Y dược	1.300	1.430

3. Mức trần học phí đối với đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập:

a) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	TC	CĐ	TC	CĐ
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	620	710	690	780
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	740	850	820	940
3. Y dược	910	1.040	1.000	1.140

b) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

NHÓM NGÀNH, NGHỀ	Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021	
	TC	CĐ	TC	CĐ
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	1.295	1.480	1.435	1.640
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	1.540	1.760	1.680	1.920
3. Y dược	3.220	3.680	3.535	4.040

Điều 2. Căn cứ vào trần học phí quy định tại Điều 1 và căn cứ tình hình hoạt động của các cơ sở giáo dục, giao Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục quy định mức thu học phí cụ thể từng nhóm ngành phù hợp với từng cơ sở giáo dục đảm bảo công khai, minh bạch cho từng năm và không vượt mức trần theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở - Ban – Ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ LĐ –TBXH;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND.TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Kho bạc Nhà nước thành phố;
- Trường ĐH Sài Gòn; Trường ĐH Y khoa PNT;
- Học Viện tư pháp Thành phố;
- VPUB: các PVP; Các Phòng CV; TTCB;
- Lưu: VT, (VX-VN) XP.